

Bản án số: 673/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05/11/2025

V/v Tranh chấp Hôn nhân & gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI;

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến H**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Nguyệt** và ông **Lê Huy Trọng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thu Giang**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2025/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh ngày 24/07/1981

Số CCCD: 024181000168

Bị đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh ngày 17/08/1981

Số CCCD: 001081026751

Hiện cùng trú tại: Thôn Dũng Tiến, xã TO, Tp.Hà Nội.

Tại phiên toà chị H có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: chị và anh Lê Văn T quen biết nhau vào năm 2011, sau thời gian hai bên tìm hiểu đến năm 2012 thì đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã KT, huyện TO, Hà Nội(Nay là xã TO – Hà Nội). Quá trình chung sống hạnh phúc được 04 năm thì mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân chị H trình bày anh T liên tục rượu chè, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi, từ năm 2023 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, chị đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn nhưng không được sự đồng ý của anh T nên sự việc chưa được giải quyết. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H khai nhận khai nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Nguyễn Chí Q, sinh năm 2013; Lê Nguyễn Chí T, sinh năm 2016. Hiện hai con đang ở cùng chị, khi ly hôn chị có quan điểm xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T đóng góp phí tổn nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản: Chị trình bày không có

Về công nợ chung: Chị trình bày không có khoản nợ nào.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã báo gọi anh T đến để giải quyết, tuy nhiên anh T không đến tòa án trình bày quan điểm về việc chị H xin ly hôn.

Ngày 14/10/2025 Tại gia đình anh Lê Văn T, anh T trình bày: Giữa anh và chị trước khi cưới có sự tìm hiểu, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã KT(nay là xã TO) như chị H trình bày là đúng

Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng: Bản thân anh T thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do anh rượu chè, không quan tâm đến vợ con, khoảng hai năm nay chị H cùng các con không về nhà anh nữa, nay chị H xin ly hôn anh không muốn ly hôn, nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh phải chịu.

Về con chung: Giữa anh và chị H có 02 con chung là Lê Nguyễn Chí Q, sinh năm 2013; Lê Nguyễn Chí T, sinh năm 2016, hiện hai con đang ở với chị H, nếu hai cháu có nguyện vọng được ở với chị H anh cũng đồng ý, nếu chị H có yêu cầu cấp dưỡng anh xin được tạm hoãn

Về tài sản chung: Anh trình bày vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án anh có quan điểm xin từ chối khi tòa án tổ chức phiên hoà giải và xin được vắng mặt khi tòa án xét xử vụ kiện.

Tại phiên tòa: Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết, thời hạn giải quyết đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Văn T được ly hôn. Về con chung: Tiếp tục giao hai con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi dưỡng con chung cho anh T. Về tài sản và công nợ chung: không có nên không xem xét, giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Lê Văn T sau khi được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, xét việc vắng mặt và đề nghị của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt bị đơn tại phiên tòa

không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án phù hợp quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hà Nội giải quyết cho được ly hôn anh Lê Văn T. Do vậy, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Lê Văn T có nơi cư trú: Thôn Dũng Tiến, xã KT, huyện TO(nay là xã TO – Hà Nội) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - thành phố Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chứng cứ: Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và các tài liệu được công bố tại phiên họp, phiên hoà giải; Nguyên đơn xác nhận các tài liệu giao nộp đầy đủ trong hồ sơ vụ án, không còn tài liệu chứng cứ nào khác cần bổ sung. Phía bị đơn anh T vắng mặt. Do vậy, những tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết, đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, Điều 93 của BLTTDS.

[2] Về mâu thuẫn HĐXX nhận thấy: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Văn T, kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã KT(nay là xã TO, Tp.Hà Nội) theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là Hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Về nguyên nhân mâu thuẫn Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa chị H và anh T đã có thời gian dài mâu thuẫn, lý do như anh T thừa nhận hay rượu chè, không quan tâm đến vợ con, chị H đã nhiều lần làm đơn ly hôn và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, trong quá trình đó anh T cũng không có giải pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, khi toà án đưa vụ việc ra hoà giải nhưng anh lại từ chối hoà giải và có quan điểm xin được vắng mặt khi toà án xét xử chứng tỏ mong muốn của việc xin đoàn tụ là không có, chị H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, xét thấy đời sống vợ chồng giữa anh, chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Nên cần chấp nhận đơn xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Theo trình bày của chị H và anh T thì vợ chồng có 02 con chung hiện đang do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H có quan điểm xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai con, bản thân hai cháu T và Q đều có mong muốn được ở cùng mẹ, xét thấy là phù hợp cần chấp nhận, tiếp tục giao hai con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng

Về trợ cấp nuôi dưỡng con chung, chị H không yêu cầu, anh T có quan điểm xin được tạm hoãn việc trợ cấp nuôi con, xét các yêu cầu của anh, chị là phù hợp cần chấp nhận, tạm hoãn việc trợ cấp nuôi con chung cho các bên.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh T đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự đều được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH;

[1]. Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng

dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2014); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Lê Văn T

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Thu H tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Lê Nguyễn Chí Q, sinh năm 2013; Lê Nguyễn Chí T, sinh năm 2016 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi người nuôi con sau ly hôn.

Tạm hoãn việc việc trợ cấp nuôi con chung cho anh Lê Văn T cho đến khi các bên có yêu cầu mới.

Anh Lê Văn T có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở

Về tài sản và công nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009732 ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 thành phố Hà Nội.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND Khu vực 6;
- Phòng THADS Khu vực 6;
- UBND xã TO;
- Các đương sự;
- Lưu hs; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến H